TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 05/2021/HNGĐ- ST
Ngày 25/01/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị anh T với chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Lê A Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Nguyên T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thúy N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thúy N kết hôn năm 2010. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Động, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đám cưới anh và chị N về chung sống cùng nhau tại xã P, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị Trần Thúy N sinh được 02 con chung là Hoàng Minh A, sinh năm 2010 và Hoàng B, sinh năm 2016. Ly hôn, anh có nguyện vọng

được nuôi một con. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm họa sĩ tự do thu nhập trung bình 20.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thúy N trình bày về quá trình kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh T đã trình bày. Nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Nguyên T sinh được 02 con chung như anh T đã trình bày. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm giáo viên ngoài tiền lương 6.000.000đ/tháng, chị còn bán đồ gia dụng, mỹ phẩm trên mạng ngoài giờ hành chính, thu nhập thêm khoảng 7.000.000đ/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi các con chị trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Nguyên T với chị Trần Thúy N; về con chung: Giao cho chị N nuôi cả 02 con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Nguyên T kết hôn với chị Trần Thúy N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 07/5/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì nẩy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh T và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay cả anh T và chị N đều nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Nguyên T với chị Trần Thúy N.

[2]. Về con chung: Anh Hoàng Nguyên T và chị Trần Thúy N sinh được 02 con chung là Hoàng Minh A, sinh năm 2010 và Hoàng B, sinh năm 2016. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi một con, chị N có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Xét cả anh T và chị N đều có đủ điều kiện nuôi con, nhưng để đảm bảo quyền lợi lâu dài về mọi mặt của các con, nên giao cho anh T và chị N mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cháu Hoàng Minh A, sinh năm 2010 có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho chị N nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.; giao cho anh T nuôi cháu Hoàng B, sinh năm 2016. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Hoàng Nguyên T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Nguyên T và chị Trần Thúy N.

2. Về con chung: Giao anh Hoàng Nguyên T nuuôi con là Hoàng B, sinh năm 2016; chị Trần Thúy N nuôi con là Hoàng Minh A, sinh năm 2010. Anh Hoàng Nguyên T, chị Trần Thúy N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Hoàng Nguyên T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005012 ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND xã Đại Đồng, Vĩnh Tường, Vĩnh phúc;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân